

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/HSST.
Ngày: 18/4/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Năng Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Ngọc Bích

Bà Nguyễn Thị Thúy

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương -
Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
toà: Bà Hoàng Thị Dung; chức vụ: Kiểm sát viên.***

Ngày 18 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà
Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/HSST ngày 02 tháng 3
năm 2017, đối với:

*** Bị cáo Nguyễn Đức A;** sinh năm 1970; nơi đăng ký nhân khẩu
thường trú: ..., thành phố Hà Nội; nơi ở: Không có nơi ở cố định; quốc tịch:
Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề
nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty ...; con ông Nguyễn Đức Q và bà
Nguyễn Thị Th; có vợ là Lê Hồng V (*sinh năm 1971, đã ly hôn năm 2015*)
và có 02 con (*sinh năm 1995 và 2004*); chưa có tiền án, tiền sự (*danh chỉ
bản số 473 lập ngày 23/11/2016 tại Công an quận Hoàng Mai*); đầu thú và
tạm giữ, tạm giam giam từ ngày 18/11/2015; có mặt.

*** Những người bị hại:**

1. **Anh Nguyễn BB**; sinh năm 1971; HKTT: ... thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. **Chị Lê BB**; sinh năm 1974; địa chỉ: ... thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án:**

- **Anh Trần DD**; sinh năm 1984; địa chỉ: thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- **Anh Nguyễn EE**; sinh năm 1977; ... thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NHẬN THẤY

*** Bị cáo Nguyễn Đức A bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố về các hành vi phạm tội như sau:**

Ngày 21/8/2015 và ngày 16/11/2015, Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội nhận đơn của anh Nguyễn BB và chị Lê BB tố cáo Nguyễn Đức A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh BB và chị B. Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Đức A là Giám đốc Công ty ...; do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cho cá nhân nên A đã dùng thủ đoạn thuê xe ô tô, mượn xe máy của người khác, thuê người làm giả đăng ký xe ô tô và xe máy đứng tên mình rồi cầm cố tài sản lấy tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân; cụ thể như sau:

Anh Nguyễn BB bị chiếm đoạt chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota Innova (biển kiểm soát: 30A- ...) trị giá là 678.300.000 đồng:

Do biết anh Nguyễn BB cho thuê xe ô tô tự lái nên ngày 18/4/2015 (tại phòng 808, Trung Yên 1, Từ Liêm, Hà Nội), Nguyễn Đức A ký hợp đồng thuê xe ô tô (biển kiểm soát: 30A- ...) của anh Thắng, với thời hạn thuê là 06 tháng và cam kết không cầm cố, cho mượn, thế chấp xe; A đã trả tiền thuê xe 02 tháng đầu là 38.000.000 đồng và để lại các giấy tờ (bao gồm: 01 Quyết định về việc bổ nhiệm A giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần May Công nghiệp Hà Nội, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế 0103673864, 01 bản photo sổ hộ khẩu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức A). Ngày 20/4/2015, anh BB mang xe ô tô này đến Công ty

của A giao xe nhưng không giao đăng ký xe ô tô. Nhận được xe ô tô theo hợp đồng, A thuê người làm giả đăng ký của chiếc xe ô tô trên. Theo A khai nhận: A lên mạng Internet tìm hiểu về việc làm giả giấy tờ đăng ký xe, liên hệ với 01 người đàn ông đã đăng tin nhận làm giả đăng ký xe với giá là 2.000.000đồng. A yêu cầu làm giả đăng ký xe đứng tên A, giao tại địa chỉ Công ty của A và nhận tiền (*A không biết tên, tuổi và địa chỉ của đối tượng này*).

Ngày 21/4/2015, A mang xe ô tô và đăng ký xe giả đến gặp anh Trần DD thế chấp xe ô tô để vay 600.000.000đồng. Anh Trần DD tin tưởng chiếc xe ô tô là của A nên đã nhận cầm cố và thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần để gia hạn thời hạn cầm cố. A đã trả lãi cho Công ty 02 lần, tổng cộng là 54.000.000đồng và hẹn đến ngày 10/8/2015 sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc, tiền lãi. Do công ty không có chỗ để xe nên anh Trần DD mang xe gửi tại nhà anh Đỗ Thế C.

Anh Nguyễn BB có hệ thống định vị theo dõi xe ô tô, phát hiện thấy xe ô tô của mình không di chuyển mà ở nguyên một vị trí nên anh BB nghi ngờ và gửi đơn đến cơ quan Công an tố cáo. Ngày 20/8/2015, anh Trần DD và anh Đỗ Thế C đã nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe ô tô (*đã cầm cố*), đăng ký xe ô tô giả (*mang tên Nguyễn Đức A*) và Hợp đồng cầm cố tài sản (*đề ngày 21/4/2015*).

Tại Bản kết luận giám định số 2475/C54-P5 ngày 15/7/2016 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức A tại Hợp đồng thuê xe (*đề ngày 18/4/2015*), Biên bản bàn giao xe ô tô (*đề ngày 20/4/2015*), Hợp đồng cầm cố tài sản (*đề ngày 21/4/2015*) là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức A (*bút lục số 293*).

Tại Bản kết luận giám định số 7766/KLGD-PC54 ngày 12/11/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - công an thành phố Hà Nội kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô (*nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát: 30A- ...*) mang tên Nguyễn Đức A là Giấy chứng nhận giả (*bút lục số 264*).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/HĐĐG ngày 26/01/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội kết luận: Xe ô tô (*nhãn hiệu Toyota Innova màu ghi bạc, biển kiểm soát: 30A- ...*) trị giá là 678.300.000đồng.

Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe ô tô (*nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát: 30A- ...*) cho anh Nguyễn BB. Anh BB đã nhận lại xe ô tô và không yêu cầu bồi thường về dân sự. Anh Trần DD yêu cầu A phải trả

bồi hoàn là 600.000.000đồng.

Chị Lê BB bị chiếm đoạt chiếc xe máy (nhãn hiệu Honda SH Mode; biển kiểm soát: 29 D1) trị giá là 39.992.000đồng:

Do Công ty cổ phần may Công nghiệp Hà Nội chuyên sản xuất, may quần áo nên Nguyễn Đức A quen, biết chị Lê BB là người kinh doanh mua, bán quần áo. Tháng 7 năm 2015, do biết chị B mới mua chiếc xe máy (nhãn hiệu Honda SH Mode; biển kiểm soát: 29 D1) nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy trên; A hỏi mượn chị B xe máy để làm phương tiện đi lại. Do có mối quan hệ kinh doanh từ năm 2013 nên chị B tin tưởng và cho A mượn xe máy nhưng chị B không giao đăng ký xe. Sau khi mượn được xe máy, A lại thuê đối tượng đã làm giả đăng ký xe ô tô (Toyota Innova; biển kiểm soát: 30A- ...) cho A tiếp tục làm giả đăng ký chiếc xe máy (nhãn hiệu Honda SH Mode; biển kiểm soát: 29 D1) của chị B mang tên Nguyễn Đức A với giá là 2.000.000đồng. Ngày 07/7/2015, A mang chiếc xe máy đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn EE (sinh năm 1977; địa chỉ: Số 357, phố Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội) thế chấp để vay là 40.000.000 đồng, A để lại Đăng ký xe máy giả, Bằng lái xe cơ giới (mang tên Nguyễn Đức A) và sổ hộ khẩu phô tô. Anh Cường tin tưởng chiếc xe máy trên là của A nên đồng ý nhận cầm cố và thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần để gia hạn thời hạn cầm cố. A đã trả lãi anh Cường 2 lần với tổng số tiền 3.000.000đồng và gia hạn cầm cố đến ngày 10/8/2015.

Do không thấy A sử dụng xe nên chị B hỏi thì A nói xe đang để ở Công ty; giữa tháng 8 năm 2015, chị B tìm A để đòi xe nhưng không liên lạc được nên ngày 16/11/2015, chị B đã gửi đơn đến cơ quan Công an tố cáo A.

Ngày 19/11/2015, anh Nguyễn EE đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe máy đã cầm cố của A và Đăng ký xe máy giả, Bằng lái xe cơ giới (tên Nguyễn Đức A), Phiếu cầm đồ kiêm khế ước (đề ngày 07/7/2015), sổ hộ khẩu phô tô của gia đình A.

Tại Bản kết luận giám định số 520/C54-P5 ngày 10/2/2016 của Viện học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy

(nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát: 29D1-811.29) mang tên Nguyễn Đức A là giấy chứng nhận giả (bút lục số 172).

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàng Mai đã có Kết luận định giá tài sản số 93/HĐĐG, kết luận: Xe máy (nhãn hiệu Honda SH Mode, BKS: 29D1- 811.29) trị giá 39.992.000đồng. Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy này cho chị Lê BB. Sau khi nhận lại chiếc xe máy, chị B không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Anh Nguyễn EE yêu cầu A phải bồi hoàn là 40.000.000đồng.

Ngày 18/11/2015, A đến Công an quận Hoàng Mai đầu thú và khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên; A đã chi tiêu cho cá nhân hết số tiền nhận cầm cố tài sản là 640.000.000đồng, không có khả năng chuộc xe để khắc phục hậu quả.

Đối với đối tượng đã trực tiếp làm giả đăng ký xe máy và xe ô tô rồi giao cho A sử dụng: Hiện chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn nhận đơn của các cá nhân khác tố giác Nguyễn Đức A có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc thuê, mượn xe ô tô rồi mang đi cầm cố; bán cổ phần Công ty; nhờ người đứng tên vay vốn Ngân hàng rồi chiếm đoạt tài sản nhưng các cá nhân này chưa xuất trình các tài liệu liên quan đến nội dung đơn tố cáo. Vì vậy, ngày 29/7/2016 (bút lục số 20), cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách phần tài liệu có liên quan đến các cá nhân này để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

*** *Tại bản cáo trạng số 62/CT- VKS- P3 ngày 23/02/2017***, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Đức A về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:*** Bị cáo Nguyễn Đức A thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng

đã quy kết, xác nhận đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản từ trước; sau đó, bị cáo thuê, mượn xe và thuê làm giả các giấy chứng nhận đăng ký xe để cầm cố, chiếm đoạt tài sản của các bị hại; bị cáo xin khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A từ 13 năm đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 02 năm đến 02 năm, 06 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; buộc bị cáo phải bồi hoàn 640.000.000đồng đã nhận; quyết định về xử lý về vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Đức A tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án và những người làm chứng, phù hợp các vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án - Đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cho cá nhân nên Nguyễn Đức A dùng thủ đoạn thuê xe ô tô và mượn xe máy của người khác (*có giá trị là 718.292.000đồng*), thuê làm giả đăng ký xe ô tô và xe máy (*giá là 2.000.000đồng/dăng ký giả*) đều đứng tên Nguyễn Đức A rồi mang xe ô tô, xe máy và các đăng ký giả để cầm cố tài sản, lấy tiền chi tiêu cho cá nhân; cụ thể như sau: Ngày 18/4/2015 (*tại phòng 808, Trung Yên 1, Từ Liêm, Hà Nội*), Nguyễn Đức A thuê xe ô tô (*biển kiểm soát: 30A- ..., có giá trị là 678.300.000đồng*) của anh Nguyễn BB, A thuê người làm giả đăng ký xe ô tô đứng tên Nguyễn Đức A rồi mang xe ô tô (*của anh Thắng*) và đăng ký giả để cầm cố và vay anh Trần DD là 600.000.000đồng; tháng 7 năm 2015, A nảy ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị Lê BB (*xe nhãn hiệu Honda SH Mode; biển*

kiểm soát: 29 D1; trị giá là 39.992.000đồng) nên A mượn xe của chị B , thuê làm giả đăng ký xe máy đứng tên Nguyễn Đức A rồi mang xe máy và đăng ký giả để thế chấp và vay anh Nguyễn EE là 40.000.000đồng. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 718.292.000đồng của Nguyễn Đức A đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự; hành vi thuê làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, xe máy rồi sử dụng các đăng ký giả để lừa dối, chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đức A đã phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự; cáo trạng đã truy tố bị cáo theo các tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, xâm phạm trật tự quản lý hành chính và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự trị an và gây nên sự bất bình, tâm lý hoang mang trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo Nguyễn Đức A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, “*thành khẩn khai báo*” và “*đầu thú*” là các tình tiết theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội danh và quyết định tổng hợp hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 và khoản 4 Điều 267 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung; tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn rất lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

Đối với đối tượng đã trực tiếp làm giả đăng ký xe máy và xe ô tô rồi giao cho A sử dụng: Hiện chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau; cáo trạng không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài hành vi của bị cáo đã được xem xét và kết luận nêu trên (liên quan đến chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30A- ... của anh Nguyễn BB và chiếc xe máy biển kiểm soát 29 D1 của chị Lê BB): Cơ quan điều tra đã ra quyết định (số 25, ngày 29/7/2016) tách phần tài liệu có liên quan đến các cá nhân khác để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau; cáo trạng không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm bồi thường: Các bị hại là anh Nguyễn BB và chị Lê BB đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì về dân sự bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm bồi hoàn: Bị cáo đã dùng tài sản của các bị hại để cầm cố vay anh Trần DD là 600.000.000đồng, vay anh Nguyễn EE là 40.000.000đồng và chưa khắc phục hậu quả nên bị cáo phải bồi hoàn 640.000.000đồng này theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận: Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả (bút lục số 171a) và Giấy chứng nhận xe ô tô giả (bút lục số 263a), là tài liệu giả, có giá trị chứng minh tội phạm và giải quyết vụ án nên cần tịch thu, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 76 và Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các vật chứng khác, đã được cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức A phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 13 (*mười ba*) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 02 (*hai*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Đức A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (*mười lăm*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2015.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức A

2. Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức A phải bồi hoàn cho anh Trần DD là 600.000.000 (*sáu trăm triệu*) đồng và bồi hoàn cho anh Nguyễn EE là 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng.

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án, lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 76, Điều 78 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với bản gốc các giấy biên nhận do cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị hại và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án (*các bút lục số 171a và 263a*).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức A phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 32.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Đức A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn BB, chị Lê BB, anh Trần DD và anh Nguyễn EE (*đều vắng mặt tại phiên tòa*), có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Những người bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Phạm Năng Thành